TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2025/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Ngô Tâm
Ông Võ Thanh Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Trường Minh Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nông Thị H, sinh ngày 15/4/1998; Căn cước công dân số xxxx; quê quán: Q, T, Lạng Sơn; nơi thường trú: Tổ G, tổ dân phố M, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Ngô Thanh H1, sinh ngày 13/9/1991, Căn cước công dân số xxxxxxx, quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Tổ G, tổ dân phố M, phường H, tỉnh Gia Lai; nơi đăng ký kết hôn: Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là phường H, tỉnh Gia Lai). (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn bà H trình bày: Về hôn nhân: Bà và ông H1 đăng ký kết hôn ngày 06/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Bình Định (Giấy chứng nhận kết hôn số 12/2017). Cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống, nuôi dạy con... cuộc sống vợ chồng căng thẳng trầm trọng. Vợ chồng đã

nhiều lần nói chuyện giải quyết nhưng không có kết quả và đã không sống chung được 04 năm. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông H1. Vợ chồng có hai con tên Ngô Thanh T sinh ngày 29/11/2017 và Ngô Thùy Tiên sinh ngày 10/5/2014. Các con đang ở với ông H1 nên khi ly hôn bà H yêu cầu giao con chung cho ông H1 nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng cho con. Về tài sản, nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H1 không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà H, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của bà H, cho ly hôn với ông H1; giao con chung tên Ngô Thanh T sinh ngày 29/11/2017 và Ngô Thùy Tiên sinh ngày 10/5/2014 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng; ông H1 không có mặt tại Tòa án để làm việc, để trình bày ý kiến đối với ý kiến của bà H về cấp dưỡng cho con, do đó chấp nhận yêu cầu của bà H về việc không thực hiện cấp dưỡng cho con; về tài sản không có nên không xem xét; bà H phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà H yêu cầu ly hôn ông H1, yêu cầu giải quyết về con chung khi ly hôn nên theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật được xác định là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại: Tổ G, tổ dân phố M, phường H, tỉnh Gia Lai nên theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà H đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông H1 được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên theo khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo, giấy triệu tập, giấy báo cho ông H1. Tuy nhiên, ông H1 không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của ông H1 liên quan đến yêu cầu của bà H được. Ông H1 không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Về hôn nhân: Bà H và ông H1 đã không còn chung sống với nhau, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Trong thời gian Tòa án giải quyết ly hôn, bà H và ông H1 cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm. Có thể thấy, hôn nhân giữa bà H và ông H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà H ly hôn ông H1.

[5] Về con chung: Các cháu Ngô Thanh T sinh ngày 29/11/2017 và Ngô Thùy Tiên sinh ngày 10/5/2014 đang do ông H1 chăm sóc nuôi dưỡng, có cuộc sống ổn định, bình thường. Bà H cũng thống nhất giao con chung cho ông H1 nuôi dưỡng. Cháu T, cháu T1 đều có nguyện vọng ở cùng ba. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định, sự phát triển mọi mặt của các cháu, giao cháu Ngô Thanh T và cháu Ngô Thùy T1 cho ông H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng cho con: Bà H không tự nguyện cấp dưỡng cho con và ông H1 cũng không có yêu cầu bà H phải cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

[7] Về tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Theo qui định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nông Thị H. Cho ly hôn giữa bà Nông Thị H và ông Ngô Thanh H1.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Thanh T sinh ngày 29/11/2017 và cháu Ngô Thùy Tiên S ngày 10/5/2014 cho ông Ngô Thanh H1 trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng cho con: Không có yêu cầu.

4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng cho con theo qui định của pháp luật.

5. Về tài sản, nợ chung: Không có yêu cầu.

6. Về án phí sơ thẩm: Bà Nông Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000750 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai nên được khấu trừ, bà H đã nộp xong.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 – Gia Lai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng